

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 105

### LUẬN THA TÂM TRÍ (Phần 7)

Đối với Kiến đạo mà nói thanh Vô tướng, như nói: “Mục-kiền-liên không nói về trú Vô tướng thứ sáu. Thế nào là trú Vô tướng thứ sáu? Đó là Tùy tín hành-Tùy pháp hành không có thể thi thiết, ở nơi này-ở nơi kia không có thể thi thiết, ở nơi này-ở nơi kia không có thể thi thiết, bởi vì thuộc về Khổ pháp trí nhãn cho đến thuộc về Đạo loại trí nhãn.”

Hỏi: Vì sao Kiến đạo mà gọi là Vô tướng?

Đáp: Bởi vì Kiến đạo nhanh chóng không khởi tâm mong cầu, không có thể thi thiết tướng này-tướng kia.

Đối với Bất động tâm giải thoát mà nói thanh Vô tướng, như nói: “Đại đức Cù-đạt-đa nên biết! Tham dục-sân nhuế-ngu si là tướng thuộc về có, Bất động tâm giải thoát là Vô tướng thù thắng nhất.”

Hỏi: Vì sao Bất động tâm giải thoát gọi là Vô tướng?

Đáp: Tất cả phiền não đều gọi là tướng, tâm ấy không bị phiền não làm cho rối loạn, phiền não đối với tâm không được tự tại, tâm đối với phiền não có thể tự tại, cho nên gọi là Vô tướng.

Đối với Phi tướng phi phi tướng xứ mà nói thanh Vô tướng, như nói: “Mình khởi lên nhiều gia hạnh, sử dụng nhiều công lực, đạt được Định thuộc về tâm Vô tướng, không nên nhiễm trước ở trong sự mừng vui thích thú.” Đây là nói không dấy khởi Định có ý vị của Hữu Đảnh, chỉ dấy khởi Định thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao Phi tướng phi phi tướng xứ gọi là Vô tướng?

Đáp: Cõi ấy không có tướng tướng rõ ràng, cũng không có tướng vô tướng, chỉ có tướng mơ hồ-chậm chạp không rõ ràng, hiện hành rất vi tế, như Nghi mà chuyển cho nên gọi là Vô tướng.

Đối với chính Tam-ma-địa Vô tướng mà nói thanh Vô tướng, như

trong này nói về ba Tam-ma-địa, đó là trong cảnh sở duyên của Tam-ma-địa Không-Vô nguyện-Vô tướng Không có mười tướng.

Như trong kinh nói: “Một thời gian Đức Phật an trú trong Tinh xá Lộc Mẫu phái Đông thành Thất-la-phiệt, Tôn giả A-nan đi đến trú xứ Đức Phật, đánh lễ sát hai chân mà thưa với Đức Phật rằng: Con nhớ lại một lúc nọ Đức Phật an trú trong khu vườn Mê-chủ-lư của dòng họ Thích, chính mình nghe nghĩa như vậy từ Đức Thế Tôn: Bởi vì Ta trú nhiều vào trong Tam-ma-địa Không... Con đối với nghĩa này thọ trì khéo léo chăng? Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông thọ trì khéo léo giống như giảng giải không có gì khác.”

Hỏi: Nếu thọ trì khéo léo thì không nên sinh ra do dự, đã sinh ra do dự thì làm sao thọ trì khéo léo?

Đáp: Tuy sinh ra do dự mà không phân biệt sai lạc, không hoàn toàn quên mất cho nên cũng gọi là thọ trì khéo léo.

Hỏi: Tôn giả A-nan nghe và giữ gìn bậc nhất, Đức Như lai đã nói tám vạn pháp uẩn, dùng Chánh niệm chứ đừng đều có thể thọ trì, lẽ nào đối với một câu mà sinh ra nghi hoặc?

Đáp: Bởi vì lúc nghe pháp này trong tâm đang buồn rầu phiền muộn, những người dòng họ Thích bị giết hại là nhân duyên của điều này. Nghĩa là bởi vì Tỳ-lô-trạch-ca rất ngu si, tàn phá khu thành Kiếp-tỳ-la, giết hại những người dòng họ Thích rồi, đến ngày thứ hai Tôn giả A-nan dẫn theo một Tỳ kheo, đi vào trong khu thành ấy, khu thành này ngày trước giống như cung trời xinh đẹp, đang lúc bấy giờ nơi ấy giống như bãi tha ma, tất cả lầu đài cung quán-tướng thành đầy lúi quân địch, các khung cửa lớn nhỏ... thấy đều hủy hoại tan tành, hàng cây như vật báu không có cây nào không bị chặt đổ, suối trong-hồ mát đầy máu và bùn lẫn lộn, các loài chim én-nhạn-uyển ương-Khổng tước-anh vũ-mạng mạng..., đều bị khói lửa làm cho bức bách hãi hùng cho nên bay tán loạn giữa hư không, các trẻ trai-trẻ gái vì mất cha mẹ cho nên đi theo A-nan khóc lóc kêu gào thảm thương, tất cả kể rõ về sự mất mát cha mẹ và những người thân; A-nan lại đến bên hồ Mẫu Trư, trông thấy những người dòng họ Thích hôm qua bị tên vua ngu si chôn nửa người, dùng sắt mài đi mài lại mà giết chết, người chứng Thánh mà chết bảy vạn bảy ngàn người. Tôn giả A-nan trông thấy sự cố này rồi, sinh lòng hết sức buồn phiền khổ sở. Sau đó Đức Thế Tôn vắng lặng các căn, an trú trong Giác tuệ, bất động như núi lớn, tâm ý thanh thản vẫn ôm bát bằng đá nhiếp niệm yên lặng, giống như ôm bình đựng dầu, các căn điều hòa tùy thuận, như ngựa chúa quý báu, thẳng thắn nhìn khoan thai,

đi vào trong khu thành quán sát pháp hữu vi biến hoại vô thường. Lúc bấy giờ A-nan nhìn sắc diện của Đức Thế Tôn, thấy uy quang càng tăng mạnh-dung nhan tướng mạo thanh hảo ung dung, thấy rồi nghĩ rằng: Đức Thế Tôn và mình ở nơi hoang tàn-nhà cửa bị phá hủy-quyến thuộc bị giết hại không có gì khác, Đức Thế Tôn an tĩnh bất động như núi, mà thân tâm mình sinh nổi buồn khổ vô cùng? Đức Phật biết rõ ý nghĩ ấy, bảo với A-nan rằng: Bởi vì Ta trú nhiều trong Tam-ma-địa Không, nơi ông khởi lên tưởng đến thành ấp, ta khởi lên tưởng đến A-luyện-nhã; nơi ông khởi lên tưởng đến thân thuộc, Ta khởi lên tưởng đến người bình thường; nơi ông khởi lên đến hữu tình, Ta khởi lên tưởng đến pháp viên mãn, cho nên Ta an tĩnh bất động như núi. Đức Phật biết rõ tâm của A-nan và chúng Tỳ kheo, ở tại nơi này không thể nào tu thiện dễ dàng, liền từ từ đi đến thành Thất-la-phiệt, tạm thời an trú tại Tinh xá Lộc Mẫu. Lúc bấy giờ sự buồn đau sầu lo trong lòng A-nan đã giảm đi, liền đến nơi Đức Phật mà thưa với Đức Phật rằng: Con nhớ lại một lúc nọ...” Vì vậy lúc Tôn giả nghe pháp này, bởi vì trong tâm đang ưu sầu phiền muộn mà sinh nghi hoặc.

Hỏi: Đức Phật nói Ta trú nhiều trong Tam-ma-địa Không, là trú nhiều trong Không nào?

Đáp: Có người nói: Trú nhiều trong Vô sở hành Không, bởi vì đối với bốn oai nghi thuận với Không này, nghĩa là nếu có một loại thì ba loại còn lại sẽ Không, vì thế cho nên Đức Phật trú nhiều trong Không này.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Trú trong Bốn tánh Không, bởi vì quán tánh vốn của pháp là Không-Vô ngã, cho nên tuy thấy biến đổi hư hoại mà không ưu sầu phiền muộn. “Lúc ấy các Tỳ kheo nghe Đức Thế Tôn nói bởi vì Ta trú nhiều trong Tam-ma-địa Không, liền nghĩ rằng pháp này là Định bất cộng của Phật. Đức Phật biết rõ ý đó, liền bảo với A-nan rằng: Nếu có Tỳ kheo cũng muốn trú nhiều trong Định Không này, thì nên loại bỏ tưởng về thành ấp và tưởng về hữu tình, khởi lên tưởng về A-luyện-nhã. Nếu có thể như vậy thì cùng với Ta không khác gì.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn khuyên các Tỳ kheo trước tiên phải loại bỏ hai tưởng?

Đáp: Bởi vì hai tưởng này làm cho các Tỳ kheo sinh tâm ưu sầu phiền muộn.

“Ngay sau đó Đức Thế Tôn lại bảo với A-nan: Nếu những Tỳ kheo khác cũng muốn trú nhiều trong Định Không này, thì nên loại bỏ

tưởng về hữu tình và tưởng về A-luyện-nhã, khởi lên tưởng về địa. Nếu có thể như vậy thì cùng với Ta không khác gì. Như vậy có Tỳ kheo khác nên loại bỏ tưởng về A-luyện-nhã và tưởng về địa, khởi lên tưởng về Không vô biên xứ, cho đến có Tỳ kheo khác nên loại bỏ tưởng về Thức vô biên xứ và tưởng về Vô sở hữu xứ, khởi lên tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, nếu có thể như vậy thì cùng với Ta không khác gì. Nếu lại có thể loại bỏ tưởng về Vô sở hữu xứ và tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, thì mới có thể hoàn toàn trú nhiều trong tưởng về không.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với tất cả phần vị, giảm dần một tưởng trước, tăng dần một tưởng sau, chứ không khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước?

Đáp: Bởi vì hằng hà sa số chư Phật quá khứ đều đưa ra cách nói theo thứ tự như vậy. Lại nữa, bởi vì muốn làm cho văn đã nói không rối loạn, nếu khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước thì văn ấy sẽ rối loạn, chư Phật nói pháp chắc chắn văn từ không rối loạn, cho nên giảm dần một tưởng trước mà tăng dần một tưởng sau. Lại nữa, bởi vì muốn làm cho văn đã nói không nặng nề, nếu khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước thì văn ấy sẽ nặng nề, chư Phật nói pháp chắc chắn văn từ nặng nề, cho nên nói theo cách này. Lại nữa, bởi vì muốn làm cho văn đã nói tóm tắt được điểm chính, nếu khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước thì văn ấy sẽ nhiều phức tạp, chư Phật nói pháp chắc chắn văn từ phải tóm tắt được điểm chính, cho nên nói theo cách này. Lại nữa, bởi vì muốn biểu hiện phương pháp bàn luận về đạo thì phải như vậy, nghĩa là Luận sư cổ xưa hãy thực hiện bàn luận về đạo, nếu lấy một loại sau thì cần phải bỏ một loại trước, Đức Thế Tôn đã là bậc Luận sư Vô Thượng, cho nên dựa vào sự bàn luận về đạo mà nói theo cách như vậy.

Hỏi: Trong này, tưởng về thành ấp cho đến tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, tất cả hiển bày về điều gì?

Đáp: Tưởng về thành ấp là hiển bày duyên với tưởng về thành Kiếp-tỷ-la. Tưởng về hữu tình là hiển bày duyên với tưởng về dòng họ Thích. Tưởng về A-luyện-nhã là hiển bày duyên với tưởng về khu vườn Nặc-cù-đà, và duyên với tưởng về Tỳ kheo tu thiện. Tưởng về địa là hiển bày tưởng về sắc phân tán. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu có các sắc thì có nỗi khổ đau bị chặt đứt tay chân-tai-mũi-thân thể... Tưởng về Không vô biên xứ, tức là hiển bày tưởng về Không vô biên xứ; cho đến tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, tức là hiển bày tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ.

Lại nữa, tướng về thành ấp là hiển bày mười lăm Ngã sở kiến. Tướng về hữu tình là hiển bày năm Ngã kiến. Tướng về A-luyện-nhã là hiển bày năng duyên của tướng về Không xứ. Tướng về bốn sắc là hiển bày về pháp đối trị của nó.

Lại nữa, tướng về thành ấp là hiển bày về khí thế gian của cõi Dục. Tướng về hữu tình là hiển về hữu tình thế gian của cõi Dục. Tướng về A-luyện-nhã là hiển bày về hai Tĩnh lự trước. Tướng về địa là hiển bày về hai Tĩnh lự sau. Tướng về bốn Vô sắc là hiển bày về pháp đối trị của nó.

Lại nữa, tướng về thành ấp là hiển bày tổng quát về cõi Dục. Nguyên có thế nào? Bởi vì cõi Dục uestap giống như thành ấp. Như bài tụng nói:

“Nếu có thể điều phục thành ấp, đâm-măng-trói chặt và làm hại...,

Khổ-vui không thể nào lay động, như núi thì gọi là Tỳ kheo.”

Tướng về hữu tình là hiển bày Tĩnh lự thứ nhất. Nguyên có thế nào? Bởi vì địa Tĩnh lự thứ nhất hãy còn có chúng hữu tình sai biệt như vua-quan-sang-hèn. Tướng về A-luyện-nhã là hiển bày về Tĩnh lự thứ hai-thứ ba. Nguyên có thế nào? Bởi vì lìa bỏ Tâm-Tứ-Hỷ gọi là bậc Thánh im lặng. Tướng về địa là hiển bày về Tĩnh lự thứ tư. Nguyên có thế nào? Bởi vì trong đất ấy có đất ở mọi nơi. Tướng về bốn Vô sắc là hiển bày về pháp đối trị của nó.

Ngay trong kinh ấy nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Như vậy hưởng về tiến vào Định Không vô thượng, có thể nhanh chóng hết sạch các lậu, chứng được vô lậu không có gia hạnh giải thoát.”

Hỏi: Thế nào gọi là có gia hạnh giải thoát-không có gia hạnh giải thoát?

Đáp: Thời giải thoát gọi là có gia hạnh giải thoát, Bất thời giải thoát gọi là không có gia hạnh giải thoát. Lại nữa, trong sự nối tiếp nhau của A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, gọi là có gia hạnh giải thoát; trong sự nối tiếp nhau của A-la-hán thuộc chủng tánh Bất động, gọi là không có gia hạnh giải thoát. Lại nữa, nếu dựa vào địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian và ba Vô sắc dưới, thì gọi là có gia hạnh giải thoát; nếu dựa vào bốn Tĩnh lự căn bản, thì không có gia hạnh giải thoát. Đó gọi là sự sai biệt của hai loại giải thoát.

Có ba trùng Tam-ma-địa, đó là Tam-ma-địa Không Không, Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện, Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng.

Trong luận Thi Thiết nói: “Thế nào là Tam-ma-địa không Không?

Đó là có Tỳ kheo tư duy các hành có rơi mất-có giữ thả đều là Không, quán xét các hành có rơi mất-có giữ lấy này là Không-Vô thường, pháp-ngã và ngã sở luôn luôn không biến đổi. Quán xét như vậy luôn luôn không gián đoạn, lại khởi lên tâm-tâm sở pháp, tư duy về quán xét không trước đây cũng lại là Không, quán về quán xét Không này cũng Không-Vô thường, pháp-ngã và ngã sở luôn luôn không biến đổi. Như người tích tụ rất nhiều cây củi, dùng lửa đốt cháy đồng củi, tay cầm gậy dài đi vòng quanh đẩy gom lại, muốn làm cho cháy hết, đã biết sắp cháy hết, cây gậy dài đã cầm cũng ném vào trong lửa, đốt cháy khiến cho cùng hết sạch. Thế nào là Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện? Đó là có Tỳ kheo, tư duy về các hành có rơi mất-có giữ lấy thả đều Vô thường, quán xét các hành có rơi mất-có giữ lấy này không phải là thường còn-không phải là luôn có, đều là pháp biến đổi. Quán xét như vậy luôn luôn không gián đoạn, lại khởi lên tâm-tâm sở pháp, tư duy về quán xét Vô thường trước đây cũng lại là Vô thường, quán về quán xét Vô thường này cũng không phải là thường còn-không phải là luôn có, đều là pháp biến đổi. Thí dụ nói như trước. Thế nào là Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng? Đó là có Tỳ kheo, tư duy về Trạch diệt đều là rỗng rang vắng lặng, quán xét về Trạch diệt này rời bỏ các nơi nương tựa-ái không còn-lìa diệt Niết-bàn. Quán xét như vậy luôn luôn không gián đoạn, lại khởi lên tâm-tâm sở pháp, tư duy về quán xét rỗng rang vắng lặng, Phi trạch diệt cũng là rỗng rang vắng lặng, quán xét Phi trạch diệt này cũng không sinh ra các pháp lẫn tạp. Thí dụ nói như trước.”

Nên biết rằng nghĩa trong luận ấy đã nói, đó là trước tiên khởi lên Định Không để quán xét năm Thủ uẩn là Không, sau đó khởi lên Định Không Không để quán về quán xét Không trước đây cũng là Không, nghĩa là bởi vì quán xét về Không thì cũng là Không. Trước tiên khởi lên Định Vô nguyện để quán xét năm Thủ uẩn là Vô thường, sau đó khởi lên Định Vô nguyện Vô nguyện, quán về quán xét Vô nguyện trước đây cũng là Vô thường, nghĩa là bởi vì quán xét về Vô thường ấy cũng là Vô thường. Trước tiên khởi lên Định Vô tướng để quán xét Trạch diệt là rỗng rang vắng lặng, sau đó khởi lên Định Vô tướng Vô tướng, quán về quán xét Vô tướng trước đây cũng là rỗng rang vắng lặng, nghĩa là quán xét về sự rỗng rang vắng lặng ấy là Phi trạch diệt cũng là rỗng rang vắng lặng, bởi vì ba tướng hữu vi đều rỗng rang vắng lặng. Như hạng Chiên-đồ-la tập trung cây củi, lúc đốt cháy xác chết, tay cầm gậy dài đẩy gom lại làm cho cháy hết, sau đó cũng đốt cháy cây gậy. Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Lúc nào đạt được trùng Tam-ma-địa này?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đạt được trong Kiến đạo, như lúc đạt được Thế tục trí Hiện quán biên thì cũng đạt được pháp này. Hoặc có người nói: Đạt được trong Tu đạo, như lúc Thánh giả là nhiệm đạt được tâm biến hóa thì cũng đạt được pháp này. Lại có người nói: Đạt được lúc Tận trí hiện khởi, như lúc Tận trí hiện khởi, tu đạt được căn thiện hữu lậu của ba cõi, cũng đạt được pháp này.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Nếu thuận theo đạt được Tam-ma-địa này, thì lúc ấy là nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, mới đạt được trùng Tam-ma-địa, chứ không phải là đều có thể đạt được. Các hữu tình đạt được sau đó khởi lên gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt, Phật không có gia hạnh, Độc giác có gia hạnh bậc Trung, Thanh văn có gia hạnh bậc Trung-Thượng.

Hỏi: Trùng Tam-ma-địa này có mấy trí sau khi hiện rõ ở trước mắt? Đáp: Có bốn trí sau khi hiện rõ ở trước mắt, đó là Pháp trí-Loại trí-Khổ trí và Diệt trí.

Trùng Tam-ma-địa của cõi Dục do Vị chí định thâm nhiếp, sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt; trùng Tam-ma-địa của hi tướng phi phi tướng xứ do Vô sở hữu xứ thâm nhiếp, sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt; trùng Tam-ma-địa của địa khác đều do mình thâm nhiếp, sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Ba trùng Tam-ma-địa này, về cõi thì gồm chung ba cõi. Về địa thì thuộc về mười một địa, đó là Vị chí định-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự căn bản-bốn Vô sắc căn bản và cõi Dục. Về sở y thì chỉ dựa vào thân ở cõi Dục. Về hành tướng, Tam-ma-địa không có hai hành tướng, Tam-ma-địa Không Không chỉ có hành tướng Không. Nguyên có thế nào? Bởi vì chỉ riêng hành tướng Không sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này chỉ riêng hành tướng Không sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Bởi vì hành tướng Không cùng với Có trái ngược nhau, có năng lực làm cho hữu tình mau chóng rời bỏ sinh tử; Định trùng Không này chán ngán rời bỏ Thánh đạo, hãy còn có thể rời bỏ Thánh đạo, huống là Không rời bỏ sinh tử hay sao? Vì vậy chỉ riêng hành tướng Không sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Vô ngã?

Đáp: Nếu thấy các pháp Vô ngã mà không thấy là Không, thì tuy chán ngán sinh tử mà không phải là tăng mạnh lên; nếu thấy là Không

thì lực chán ngán đối với sinh tử tăng mạnh lên. Như người đi một mình ở giữa đường, gặp một người bạn tuy biết không phải là thân thuộc với mình, mà không quá lo lắng, về sau nếu lúc chia tay thì rất lo lắng buồn phiền. Hành tướng không đối với chán chán sinh tử thì mạnh hơn đối với Vô ngã, vì vậy Định này không làm hành tướng Vô ngã.

Tam-ma-địa Vô nguyện có mười hành tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện chỉ có hành tướng Vô thường. Nguyên cố thế nào? Bởi vì chỉ riêng hành tướng Vô thường sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này chỉ riêng hành tướng Vô thường sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Bởi vì hành tướng Vô thường cùng với Có trái ngược nhau, có năng lực làm cho hữu tình mau chóng rời bỏ sinh tử; Định trừng Vô nguyện này chán ngán rời bỏ Thánh đạo, hãy còn có thể rời bỏ Thánh đạo, huống là không rời bỏ sinh tử hay sao? Vì vậy chỉ riêng hành tướng Vô thường sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Khổ?

Đáp: Bởi vì Thánh đạo không phải là Khổ.

Hỏi: Vì sao Định này không làm bốn hành tướng duyên với Tập?

Đáp: Bởi vì Thánh đạo không có thể dẫn đến quả báo của ba cõi.

Hỏi: Vì sao Định này không làm bốn hành tướng duyên với Đạo?

Đáp: Định này nếu làm hành tướng duyên với Đạo, thì phải vui mừng cầu mong Thánh đạo chứ không nên chán ngán rời bỏ.

Tam-ma-địa Vô tướng có bốn hành tướng, Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng chỉ có hành tướng Tĩnh. Nguyên cố thế nào? Bởi vì chỉ riêng hành tướng Tĩnh sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Diệt?

Đáp: Diệt có hai loại:

1. Phi trạch diệt.
2. Vô thường diệt.

Nếu làm hành tướng Diệt thì không biết duyên với Diệt nào.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra cũng không phải là hành tướng Tĩnh, đó là Tĩnh cũng có hai loại:

1. Phi trạch diệt.
2. Trạch diệt.

Nếu làm hành tướng Tĩnh lự thì cũng không biết là duyên với Tĩnh nào?



Đáp: Có nói hai Diệt, không có nơi nào nói hai Tĩnh, vì vậy không nên ví dụ. Lại nữa, nghĩa của Diệt lạm dụng nhiều, nghĩa của Tĩnh lạm dụng ít, đó là bởi vì Diệt có ba-Tĩnh chỉ có hai. Nếu lại không làm hành tướng Tĩnh, thì Định này lại làm hành tướng gì?

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Diệt?

Đáp: Bởi vì Phi trạch diệt không phải là pháp Diệt. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì luận phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp Diệt? Đó là pháp thiện vô lậu.” Phi trạch diệt là vô ký cho nên không phải là pháp Diệt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Ly?

Đáp: Bởi vì Phi trạch diệt phải là pháp Ly. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì luận phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp Ly? Đó là Giới thiện của cõi Dục.” Cõi Sắc-Vô sắc do xuất ly mà sinh ra các Đăng chí thiện, pháp Học-pháp Vô học và Trạch diệt là sở duyên của Định này, bởi vì Phi trạch diệt không có tướng của pháp Ly đã nói kia.

Sở duyên của trùng Tam-ma-địa này, thì Tam-ma-địa Không Không và Vô nguyện Vô nguyện, có nơi nói: Duyên riêng với Thánh đạo ở sát na cuối cùng; có nơi nói: Duyên riêng với Thánh đạo ở sát na cuối cùng của Tam-ma-địa câu sinh; có nơi nói: Duyên chung với Thánh đạo nối tiếp nhau; có nơi nói: Duyên chung với Thánh đạo nối tiếp nhau của Tam-ma-địa câu sinh. Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng thì duyên với Phi trạch diệt.

Về Niệm trú, đều chỉ riêng Pháp niệm trú đi cùng. Về trí, đều chỉ riêng Thế tục trí đi cùng. Về Tam-ma-địa, tức là Tam-ma-địa hữu lậu chứ không phải là Tam-ma-địa vô lậu. Về căn tương ứng, là tương ứng với ba Căn, đó là Hỷ-Lạc và Xả. Về ba đời thì đều là ba đời. Duyên với ba đời, Tam-ma-địa Không Không và Vô nguyện Vô nguyện, nếu ở quá khứ-hiện tại thì duyên với quá khứ; nếu ở vị lai thì có những người muốn làm cho duyên riêng với Thánh đạo ở sát na cuối cùng, hoặc đó là Tam-ma-địa câu sinh, họ nói đang khởi lên là duyên với hiện tại, còn vị lai thì duyên với ba đời; có những người muốn làm cho duyên chung với Thánh đạo nối tiếp nhau, hoặc đó là Tam-ma-địa câu sinh, họ nói đang khởi lên là duyên với quá khứ-hiện tại, còn lại vị lai thì duyên với ba đời. Có Sư khác nói: “Tam-ma-địa Không Không và Vô nguyện Vô nguyện duyên chung với tất cả Thánh đạo, đó là nói ba đời đều duyên với ba đời.” Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng chỉ duyên với tách rời thời gian (Ly thế).

Về thiện-bất thiện và vô ký, thì ba loại đều là thiện. Duyên với

thiện-bất thiện và vô ký, hai loại đầu chỉ duyên với thiện, một loại sau chỉ duyên với vô ký. Hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, ba loại đều hệ thuộc tất cả ba cõi. Duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, ba loại đều duyên với không hệ thuộc. Học-Vô học và Phi học phi vô học, ba loại đều là Phi học phi vô học. Duyên với Học-Vô học và Phi học và phi vô học, hai loại trước duyên với Vô học, một loại sau duyên với Phi học phi vô học. Do kiến-tu mà đoạn và Không đoạn, ba loại đều là do tu àm đoạn. Duyên với kiến-tu mà đoạn và không đoạn, ba loại đều duyên với không đoạn. Duyên với danh-duyên với nghĩa, ba loại đều duyên với nghĩa. Duyên với Tự-Tha tương tục và Phi tương tục, hai loại trước duyên với Tự tương tục, một loại sau duyên với Phi tương tục. Gia hạnh đặc-ly nhiễm đặc, ba loại đều bao gồm cả hai đặc. Từng đạt được và chưa từng đạt được, ba loại đều chỉ là chưa từng đạt được.

Hỏi: Ba trùng Tam-ma-địa này ai khởi lên và ở nơi nào?

Đáp: Cõi Dục khởi lên chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, loài người khởi lên chứ không phải là nẻo khác, ba châu khởi lên chứ không phải là Bắc châu, trong ba châu thì nam nữ đều có thể khởi lên chứ không phải là Phiến-trĩ...

Tôn giả Cù-sa-phiệt-ma nói rằng: “Chỉ có châu Thiệm bộ có thể khởi lên chứ không phải là châu khác, chỉ có thân nam có thể khởi lên chứ không phải là thân nữ. Nguyên cố thế nào? Bởi vì Định này chỉ dựa vào thân mạnh mẽ, chỉ có thân nam ở châu Thiệm bộ là mạnh mẽ.”

**Lời bình:** Nên biết trong này cách nói trước là hợp lý, bởi vì nữ nam ở ba châu đều mạnh mẽ. Như thân nam ở châu Thiệm bộ đối với Định tâm đều được tự tại, thân nữ ở hai châu Đông-Tây và châu này cũng đối với tâm Định đều được tự tại, bởi vì đều mạnh mẽ.

Hỏi: Những Bồ-đặc-già-la nào có thể khởi lên Tam-ma-địa này?

Đáp: Thánh giả có thể khởi lên chứ không phải là dị sinh, Vô học có thể khởi lên chứ không phải là Hữu học, Bất thời giải thoát có thể khởi lên chứ không phải là Thời giải thoát. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu đối với Định được tự tại và thân không có phiền não, thì mới có thể khởi lên Tam-ma-địa này. Tất cả dị sinh và Tín thắng giải thì hai sự đều không có, Kiến chí tuy đối với Định được tự tại mà trong thân còn có phiền não, Thời giải thoát tuy trong thân không có phiền não mà đối với Định không được tự tại, cho nên đều không có thể khởi lên Định này. Chỉ có Bất thời giải thoát có đủ hai sự, cho nên có thể khởi lên Định.

Hỏi: Lúc nào là Tam-ma-địa này? Là sát na thứ nhất hay là toàn bộ nối tiếp nhau? Nếu sát na thứ nhất là Định này, thì sau đó nối tiếp

nhau gọi là Định gì? Nếu toàn bộ nối tiếp nhau là Định này, thì luận Thức Thân nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Có thể có pháp thế gian, có rơi mất, có giữ lấy do Thủ uẩn thâm nhiếp, dựa vào bên trong dấy khởi-nhờ vào chọn lựa sinh ra, chỉ là tánh thiện hệ thuộc cõi Dục, Định từ vô lậu không gián đoạn mà sinh ra, duyên với pháp vô lậu, chỉ là pháp bất cộng của Thánh giả chứ không phải là pháp cùng chung của dị sinh chẳng?”

Đáp: Có, đó là Tam-ma-địa Không Không, Vô nguyện Vô nguyện và Vô tướng Vô tướng hệ thuộc cõi Dục.” Có người đưa ra cách nói này: Chỉ có sát na thứ nhất là thuộc về Định này.

Hỏi: Nếu như vậy thì sau đó nối tiếp nhau gọi là Định gì?

Đáp: Đó là căn thiện tương tự với Định này chứ không phải là thuộc về Định này. Lại có người nói: Toàn bộ sự nối tiếp nhau đều là Định này.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thức Thân nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói chung về chủng loại của Định này, nghĩa là Định này từ trước đến sau tuy nhiều sát na, mà đều là thuộc về một chủng loại của Định này; ở đây từ vô lậu không gián đoạn mà sinh ra, cho nên không trái với nơi kia. Nếu nói riêng biệt thì Định ở sát na thứ nhất tiếp theo vô lậu sinh ra duyên với pháp vô lậu; sau đó nối tiếp nhau thì tuy không phải là vô lậu không gián đoạn mà sinh ra, nhưng mà duyên với vô lậu.

Hỏi: Trùng Tam-ma-địa này thì lúc nào hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Lúc sắp Niết-bàn mới khởi lên Định này. Nghĩa là A-la-hán sắp nhập Niết-bàn lại khởi lên Thánh đạo, tiếp theo sau Thánh đạo thì Định này hiện rõ trước mắt, rời khỏi Định này rồi liền nhập Niết-bàn, không còn khởi lên Định này mà cũng không khởi lên Thánh đạo.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Đạt được Định này thì tùy theo lúc muốn hiện rõ trước mắt chứ không quyết định vào lúc nào.

Hỏi: Thánh đạo không gián đoạn thì Định này hiện rõ trước mắt, Định này không gián đoạn thì khởi lên Thánh đạo hay không?

Đáp: Định này không gián đoạn không khởi lên Thánh đạo. Nguyên cố thế nào? Bởi vì chán ngán Thánh đạo. Có người đưa ra cách nói này: Định này không gián đoạn cũng không khởi lên Thánh đạo.

Hỏi: Định này không gián đoạn nếu khởi lên Thánh đạo, thì tại sao nói Định này chán ngán Thánh đạo?

Đáp: Định này tuy có thể chán ngán rời bỏ Thánh đạo mà không bằng Thánh đạo có thể chán ngán rời bỏ Định này, Thánh đạo tuy có thể chán ngán rời bỏ Định này mà sau Thánh đạo thì Định này hiện rõ trước mắt, Định này tuy có thể chán ngán Thánh đạo rời bỏ Thánh đạo mà sau Định này lẽ nào Thánh đạo không hiện rõ trước mắt hay sao?

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Thánh đạo không gián đoạn thì Định này hiện rõ trước mắt, Định này không gián đoạn mà không khởi lên Thánh đạo, bởi vì không có tác dụng. Vì vậy nên biết, cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Định này không có thể đoạn các phiền não, cũng không có thể dẫn đến công đức thù thắng, vì sao Thánh giả có lúc liên tục khởi lên?

Đáp: Vì bốn nhân duyên mà có sự dấy khởi thường xuyên:

1. Vì trú trong pháp Lạc hiện tại.
2. Vì dạo chơi trong công đức.
3. Vì quán xét những việc làm trước đây.
4. Vì thọ tài sản bậc Thánh.

Lại nữa, thế lực và tác dụng của Tam-ma-địa này sâu xa kín đáo, Định tự tại thì mới có thể hiện rõ trước mắt, cho nên thường xuyên khởi lên, dạo chơi quán sát.

Các đạo quá khứ đã tu đã ngừng hay chẳng? Cho đến nói rộng ra. Tu có bốn loại:

1. Tu đạt được.
2. Tu luyện tập.
3. Tu đối trị.
4. Tu loại bỏ.

Tu đạt được và tu luyện tập, đó là tất cả pháp hữu vi thiện. Tu đối trị và tu loại bỏ, đó là tất cả pháp hữu lậu.

Các Sư phương Tây nói tu có sáu loại, đó là bốn loại trước, lại thêm vào hai loại tu:

1. Tu phòng hộ.
2. Tu phân biệt.

Tu phòng hộ, đó là phòng hộ các căn. Như trong kinh nói: “Đối với sáu căn này khéo léo điều phục, khéo léo che giấu, khéo léo giữ gìn, khéo thâm nhiếp, khéo léo thâm nhiếp, khéo léo tu tập, có năng lực dẫn đến niềm vui đời sau.” Tu phân biệt, đó là phân biệt sắc thân. Như trong kinh nói: “Trong thân này có tóc-lông-móng-răng...”

Các Sư nước này nói hai loại sau, tức là thuộc về tu đối trị và tu

loại bỏ, cho nên tất cả các tu chỉ có bốn loại.

Trong này, dựa vào hai loại tu trước mà soạn luận. Nhưng bốn loại tu trải qua pháp phân biệt cần phải làm thành bốn câu:

1. Có pháp là hai loại tu trước mà không phải là hai loại tu sau, đó là pháp hữu vi vô lậu.

2. Có pháp là hai loại tu sau mà không phải là hai loại tu trước, đó là pháp hữu vi nhiễm ô và vô phú vô ký.

3. Có pháp là hai loại tu trước cũng là hai loại tu sau, đó là pháp thiện hữu lậu.

4. Có pháp không phải là hai loại tu trước cũng không phải là hai loại tu sau, đó là pháp vô vi.

Hỏi: Tu là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về xông ướp phát ra nghĩa của tu, nghĩa về luyện tập học hỏi là nghĩa của tu, nghĩa làm cho rõ ràng trong ánh sáng là nghĩa của tu.

Pháp thiện hữu vi, hiện tại là do tu luyện tập mà hiển lộ; hiện tại là luyện tập mà đạt được cho nên gọi là tu, vị lai thì chỉ có đạt được cho nên gọi là tu; hiện tại là tiếp nhận sử dụng cho nên gọi là tu, vị lai thì dẫn dắt phát khởi cho nên gọi là tu, hiện tại là thuộc về thân cho nên gọi là tu, vị lai thì khởi lên đạt được cho nên gọi là tu; hiện tại là hiện rõ trước mắt cho nên gọi là tu, vị lai thì thành tựu cho nên gọi là tu; hiện tại đang làm những việc làm cho nên gọi là tu, vị lai thì như từ xa mong muốn qua lại cho nên gọi là tu.

Hỏi: Các đạo quá khứ đều đã tu-đã ngừng chẳng?

Đáp: Các đạo quá khứ đều đã tu-đã ngừng. Đã tu, đó là thiện quá khứ, bởi vì đã có hai loại tu đạt được và tu luyện tập. Đã ngừng đó là pháp quá khứ, bởi vì những việc làm đã ngừng lại. Có đạo đã tu-đã ngừng mà không phải là quá khứ, đó là đạo vị lai đã tu-đã ngừng, như lúc quán Bất tịnh cho đến lúc Tận trí hiện rõ ở trước mắt, có thể tu pháp thiện hữu vi trong vô lượng sát na của vị lai. Pháp đã tu này, từ sát na thứ hai trở về sau đều gọi là đã tu, bởi vì đã có tu đạt được, cũng gọi là đã ngừng, bởi vì những việc làm đã xong, mà không phải là quá khứ bởi vì là hiện tại và vị lai.

Hỏi: Các đạo vị lai đều chưa hẳn đã tu-đã ngừng chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định:

1. Có đạo vị lai mà không phải là chưa hẳn đã tu-đã ngừng, đó là vị lai đã tu-đã ngừng; loại này chính là thứ tự trước đây đã nói.

2. Có đạo chưa hẳn đã tu-đã ngừng mà không phải là vị lai, đó là chưa từng đạt được bắt đầu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là chưa từng đạt được quán Bất tịnh, cho đến Tận trí đang hiện rõ ở trước mắt; loại này chưa hẳn đã tu, bởi vì đang có tu đạt được và tu luyện tập, cũng chưa hẳn đã ngừng, bởi vì đang làm những việc làm, mà không phải là vị lai bởi vì thuộc về hiện tại.

3. Có đạo vị lai cũng chưa hẳn đã tu-đã ngừng, đó là đạo vị lai chưa hẳn đã tu-đã ngừng, nghĩa là lúc quán Bất tịnh cho đến Tận trí hiện rõ ở trước mắt, có thể tu pháp thiện hữu vi trong vô lượng sát na của vị lai, pháp đã tu này trong sát na thứ nhất gọi là chưa hẳn đã tu, bởi vì nay đang tu đạt được, cũng gọi là chưa hẳn đã ngừng bởi vì đang làm những việc làm, đạo đã tu này hãy còn thuộc về vị lai.

4. Có đạo không phải là vị lai cũng không phải là chưa hẳn đã tu-đã ngừng, đó là đạo quá khứ và đạo đã từng đạt được nay hiện rõ ở trước mắt. Đạo quá khứ, là đã tu-đã ngừng, như trước đã nói; và đạo đã từng đạt được nay hiện rõ ở trước mắt, là trước kia có tu đạt được cho nên gọi là đã tu, những việc làm đã xong cho nên gọi là đã ngừng, tức là đã từng đạt được quán Bất tịnh... vào lúc hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đạo hiện tại này bởi vì nay tu luyện tập-bởi vì đang làm công việc, nên gọi là chưa hẳn đã tu-đã ngừng, tại sao nói không phải là chưa hẳn đã tu-đã ngừng?

Đáp: Tuy dựa vào tu luyện tập thuận theo chỉ nói đạo quá khứ là câu này thâm nhiếp, mà dựa vào tu đạt được cho nên cũng nói đạo hiện tại đã từng đạt được là câu này.

Hỏi: Các đạo hiện tại đều đang tu chăng?

Đáp: Các đạo hiện tại đều đang tu, nghĩa là nếu đạo hiện tại chưa từng đạt được, thì do tu đạt được và tu luyện tập cho nên gọi là đang tu; nếu đạo hiện tại đã từng đạt được chỉ do tu luyện tập thì gọi là đang tu. Có đạo đang tu mà không phải là hiện tại, đó là đạo chưa từng đạt được bắt đầu hiện rõ ở trước mắt, mà tu chủng loại đạo ấy ở vị lai. Nhưng chủng loại thì có bốn loại:

1. Chủng loại về tu.
2. Chủng loại về luật nghi.
3. Chủng loại về phạm vi.
4. Chủng loại tương tự.

Chủng loại về tu, như trong này nói đạo chưa từng đạt được bắt đầu hiện rõ ở trước mắt, mà tu chủng loại đạo ấy ở vị lai. Trong này có người nói: Đạo hữu lậu dùng đạo hữu lậu làm chủng loại, đạo vô lậu

dùng đạo vô lậu làm chủng loại.

**Lời bình:** Nên đưa ra cách nói này: Đạo hữu lậu dùng đạo hữu lậu-vô lậu làm chủng loại, đạo vô lậu dùng đạo vô lậu-hữu lậu làm chủng loại. Nguyên cố thế nào? Bởi vì mỗi một loại hiện rõ trước mắt đều tu hai loại đạo của vị lai. Do thế lực ấy cho nên tu ở vị lai đều có thể nói là chủng loại ấy.

Chủng loại về luật nghi, như chương Nghiệp Uẩn nói: “Nếu thành tựu về Giới quá khứ, thì cũng thành tựu về Giới thuộc chủng loại này ở vị lai-hiện tại chăng?” Trong này. Luật nghi dùng luật nghi làm chủng loại, biệt giải thoát luật nghi dùng biệt giải thoát luật nghi làm chủng loại, Tĩnh lự luật nghi dùng Tĩnh lự luật nghi làm chủng loại, vô lậu luật nghi dùng vô lậu luật nghi làm chủng loại, luật nghi gia hạnh dùng luật nghi gia hạnh làm chủng loại, luật nghi hậu khởi dùng luật nghi hậu khởi làm chủng loại, ở trong biểu dùng biểu làm chủng loại, vô biểu dùng vô biểu làm chủng loại.

Chủng loại về phạm vi, như chương Căn Uẩn nói: “Nếu thành tựu nhân căn thuộc về chủng loại này thì cũng thành tựu thân căn thuộc chủng loại này chăng? Trong này, nếu là pháp của cõi này thì vẫn dùng pháp của cõi này làm chủng loại, nghĩa là pháp cõi Dục lấy pháp cõi Dục làm chủng loại, pháp cõi Sắc lấy pháp cõi Sắc làm chủng loại, pháp cõi Vô sắc lấy pháp cõi Vô sắc làm chủng loại.

Chủng loại tương tự, như trong Tỳ-nại-da nói: “Tôn giả Vật-độc-tử, tay trái tỏa ra ánh sáng, tay phải phân chia những đồ nằm..., trao cho Tỳ kheo thuộc chủng loại tương tự, nói là để cho người trì Tố-đát-lãm và người trì Tố-đát-lãm cùng ở một nơi, người trì Tỳ-nại-da và người trì Tỳ-nại-da cùng ở một nơi, người trì A-Tỳ Đạt Ma và người trì A-Tỳ Đạt Ma cùng ở một nơi, người ở chốn A-luyện-nhã và người ở chốn A-luyện-nhã cùng ở một nơi, khiến cho các Tỳ kheo cùng chủng loại, cùng với nhau ở một nơi bàn luận yên lặng, tùy thuận lẫn nhau tu các pháp thiện, không lo buồn khổ sở.”

Trong kinh cũng nói: “Các loài hữu tình, các cõi khác nhau mà chủng loại giống nhau, thì lại yêu thích lẫn nhau, ác thì thích ác, thiện thì thích thiện.”

Ở trong bốn chủng loại, trong này chỉ dựa vào chủng loại về tu mà soạn luận, nghĩa là quán Bất tịnh cho đến Tận trí hiện rõ ở trước mắt, thì có thể tu pháp thiện hữu vi trong vô lượng sát na của vị lai, pháp đã tu này trong sát na thứ nhất, là đang tu đạt được mà không phải hiện tại, bởi vì thuộc về vị lai. Trong này, hiện tại đối với đang tu.

Hỏi: Nếu chỉ dựa vào tu đạt được mà nói thì nên làm thành bốn câu phân biệt, đó là:

1. Hoặc có lúc hiện tại mà không phải là đang tu, như đạo đã từng đạt được nay hiện rõ ở trước mắt.

2. Hoặc có lúc đang tu mà không phải là hiện tại, như trong sát na thứ nhất tu ở vị lai.

3. Hoặc có lúc hiện tại cũng là đang tu, như đạo chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt.

4. Hoặc có lúc không phải là hiện tại cũng không phải là đang tu, như đạo quá khứ và vị lai, đã tu-đã ngừng.

Đáp: Trong này dựa chung vào tu đạt được và tu luyện tập mà nói, cho nên dùng hiện tại đối với đang tu.

Hỏi: Chỉ làm thuận theo câu trước?

Đáp: Bởi vì đạo hiện tại nhất định phải có tu luyện tập, cho nên gọi là đang tu.

Hỏi: Nếu lúc lui sụt quả trên trú vào quả dưới, thì quả dưới đã đạt được gọi là tu đạt được chăng?

Đáp: Gọi là đạt được chứ không phải là tu.

Hỏi: Lúc ấy lại tiến lên đạt được quả đã lui sụt, thì quả trên đã đạt được gọi là tu đạt được hay không?

Đáp: Nếu quá khứ thì gọi là đạt được chứ không phải là tu, nếu vị lai thì gọi là tu đạt được.

Hỏi: Vì sao quá khứ thì gọi là đạt được chứ không phải là tu, vị lai thì gọi là tu đạt được?

Đáp: Nếu đạo hiện tại làm nhân cho quả ấy, thì nếu có thể nói quả ấy là tu đạt được, đạo hiện tại không có nghĩa làm nhân cho quả quá khứ, cho nên đạo quá khứ gọi là đạt được chứ không phải là tu.

Hỏi: Lúc lui sụt quả trên trú vào quả dưới, đã đạt được quả vô lậu dưới ở vị lai, đã có nhân đạt được vô lậu của hiện tại, sao không gọi là tu?

Đáp: Nếu nhân của hiện tại do thắng tiến cho nên đạt được ở vị lai, thì quả ấy có thể gọi là tu. Lúc lui sụt trú vào quả dưới thì đạt được vô lậu của hiện tại, tuy là nhân của nó mà không phải là thắng tiến, cho nên không gọi là tu, bởi vì không do tu đạt được ở hiện tại, mà vị lai ấy chỉ do lui sụt cho nên nó được hiện rõ ở trước mắt.

-----